

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG THÁP

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **32** /GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày **04** tháng **02** năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Thức ăn thủy sản Feed One tại văn bản số 05/CV.2026.FOC ngày 12 tháng 01 năm 2026 và hồ sơ có liên quan;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1626/TTr-SNN&MT ngày 03 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thức ăn thủy sản Feed One, địa chỉ tại lô B5, Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản Feed One có địa chỉ tại: lô B5 và B5a, Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

a) Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản Feed One.

b) Địa điểm hoạt động: lô B5 và B5a, cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp.

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 1401711796 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp) chứng nhận lần đầu ngày 05 tháng 04 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05 tháng 08 năm 2025.

d) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4532838755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp) chứng nhận lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2021, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 22 tháng 10 năm 2024.

đ) Mã số thuế: 1401711796.

e) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

g) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích đất sử dụng: 63.801,10 m².

- Nhóm cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): cơ sở tương đương với dự án đầu tư thuộc nhóm B và có tổng mức đầu tư: 898.798.240.000 đồng.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa, đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

d) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

đ) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thức ăn thủy sản Feed One được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thức ăn thủy sản Feed One có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành

các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Giấy phép môi trường số 1197/GPMT-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *muon*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Công Thương;
- UBND xã Mỹ Hiệp;
- Cty TNHH Thức ăn thủy sản Feed One;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyễn

KT. CHỦ TỊCH *moal*
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **32** /GPMT-UBND
ngày **04** tháng **02** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: nước thải từ quá trình vận hành lò hơi.
- Nguồn số 2: nước thải từ hoạt động rửa dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm.
- Nguồn số 3: nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên và nước thải từ khu vực phục vụ khách hàng và thuyền viên.
- Nguồn số 4: nước thải từ khu vực nhà ăn (bếp và khu vực rửa dọn).
- Nguồn số 5: nước cấp cho hoạt động vệ sinh định kỳ các thiết bị của trạm xử lý nước cấp.

2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Cái Nhỏ đoạn chảy qua xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp.

- Vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°): đầu ra đường ống xả PVC 150mm thoát nước thải sau xử lý ra sông Cái Nhỏ đoạn chảy qua cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp tại 01 điểm xả; tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1142324; Y= 587207.

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 70 m³/ngày đêm.
- Phương thức xả nước thải: tự chảy
- Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ).
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT (cột A)
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	Lưu lượng	m ³ /ngày.đêm	-	Không thuộc đối tượng	Không có
2	pH	-	6 đến 9		Không có
3	Nhu cầu ôxy sinh hoá (BOD ₅ ở 20°C)	mg/L	≤ 40		Không có

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
4	Nhu cầu ôxy hoá học (COD)	mg/L	≤ 65		Không có
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 40		Không có
6	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 5		Không có
7	Amoni (N-NH_4^+), tính theo N	mg/L	≤ 5		Không có
8	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 20		Không có
9	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 4		Không có
10	Tổng Coliform	MNP/100mL	$\leq 3\ 000$		Không có

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nguồn số 01, 02, 03, 04, 05 → Hệ thống đường ống thu gom nước thải → Hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m³/ngày đêm → Nước thải sau xử lý theo đường ống xả ra nguồn tiếp nhận (sông Cái Nhỏ tại 01 điểm xả).

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Trạm xử lý nước thải, công suất 70 m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải → bể tiếp nhận → bể tách dầu → bể điều hòa → bể Anoxic → bể Aerotank kết hợp MBR → bể khử trùng → nước thải sau xử lý theo đường ống xả ra nguồn tiếp nhận (sông Cái Nhỏ tại 01 điểm xả thải).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: polymer Cation, Na₂CO₃, Javen, Dinh dưỡng, Acid citric, Men vi sinh hiệu khí JUMBO-A hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo Điều 97 Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được

sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đối với bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra; bể tự hoại được thiết kế và xây dựng đúng tiêu chuẩn, đảm bảo chứa và xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh.

- Đối với đường ống cấp thoát nước: đường ống cấp, thoát nước có đường cách ly an toàn; thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ an toàn nhất.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố: điều chỉnh sản lượng sản xuất và lượng công nhân làm việc phù hợp để có đủ thời gian sửa chữa, phục hồi hệ thống.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng: vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, phát hiện sự cố một cách sớm nhất. Phối hợp nhà cung cấp hoặc cơ quan có chức năng về môi trường để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo điểm e khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **32** /GPMT-UBND
ngày **04** tháng **02** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 1 công suất 9 tấn/giờ
- Nguồn số 2: khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 2 công suất 9 tấn/giờ.
- Nguồn số 3: khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải quá trình sản xuất 1
- Nguồn số 4: khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải quá trình sản xuất 2
- Nguồn số 5: khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải quá trình sản xuất 3
- Nguồn số 6: khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải quá trình sản xuất 4
- Nguồn số 7: khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải nhà kho nguyên liệu 1
- Nguồn số 8: khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải nhà kho nguyên liệu 2
- Nguồn số 9: khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 3 công suất 9 tấn/giờ (giai đoạn 3).
- Nguồn số 10: khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải quá trình sản xuất 5 (giai đoạn 3).
- Nguồn số 11: khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải quá trình sản xuất 6 (giai đoạn 3).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

a) Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°):

- Dòng khí thải số 1 (tương ứng nguồn số 1): tọa độ X=1.142.377, Y= 587.173.
- Dòng khí thải số 2 (tương ứng nguồn số 2): tọa độ X=1.142.385, Y= 587.180.
- Dòng khí thải số 3 (tương ứng nguồn số 3): tọa độ X=1.141.997, Y= 587.308.
- Dòng khí thải số 4 (tương ứng nguồn số 4): tọa độ X=1.142.385, Y= 587.180.
- Dòng khí thải số 5 (tương ứng nguồn số 5): tọa độ X=1.142.000, Y= 587.296.
- Dòng khí thải số 6 (tương ứng nguồn số 6): tọa độ X=1.142.010, Y= 587.296.
- Dòng khí thải số 7 (tương ứng nguồn số 7): tọa độ X=1.142.590, Y= 587.198.
- Dòng khí thải số 8 (tương ứng nguồn số 8): tọa độ X=1.142.444, Y= 587.285.
- Dòng khí thải số 9 (tương ứng nguồn số 9): tọa độ X= 1.142.396, Y= 587.205.
- Dòng khí thải số 10 (tương ứng nguồn số 10): tọa độ X=1.142.481, Y= 587.099.

- Dòng khí thải số 11 (tương ứng nguồn số 11): tọa độ $X=1.142.486$, $Y= 587.099$.

b) Lượng xả khí thải lớn nhất $152.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Lưu lượng xả khí thải:

+ Dòng khí thải số 1: lưu lượng $24.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

+ Dòng khí thải số 2: lưu lượng $24.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

+ Dòng khí thải số 3: lưu lượng $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

+ Dòng khí thải số 4: lưu lượng $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

+ Dòng khí thải số 5: lưu lượng $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

+ Dòng khí thải số 6: lưu lượng $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

+ Dòng khí thải số 7: lưu lượng $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

+ Dòng khí thải số 8: lưu lượng $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

+ Dòng khí thải số 9: lưu lượng $24.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

+ Dòng khí thải số 10: lưu lượng $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

+ Dòng khí thải số 11: lưu lượng $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

- Phương thức xả khí thải: liên tục (24 giờ).

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột C. Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải theo quy chuẩn như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/BTNMT cột C	Tần suất quan trắc	
				Định kỳ	Tự động, liên tục
I	Giới hạn thông số ô nhiễm khí thải đề nghị cấp phép cho hệ thống xử lý khí thải của 03 lò hơi (dòng thải số 1, dòng thải số 2 và dòng thải số 9)				
1	Lưu lượng	Nm³/giờ	-	06 tháng/lần	Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo Điều 98 Nghị
2	Bụi	mg/Nm³	≤ 60		
3	Lưu huỳnh đioxit (SO₂)	mg/Nm³	≤ 250		
4	Nitơ oxit (NOx, tính theo NO₂)	mg/Nm³	≤ 300		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/BTNMT cột C	Tần suất quan trắc	
				Định kỳ	Tự động, liên tục
5	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm ³	≤ 350		định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47, Điều 1 Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ
II	Giới hạn thông số ô nhiễm khí thải đề nghị cấp phép cho hệ thống xử lý khí thải (dòng thải số 3 đến dòng thải số 8; dòng thải số 10 và 11)				
1	Lưu lượng	Nm ³ /giờ	-	06	Không có
2	Bụi	mg/Nm ³	≤ 60	tháng/lần	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

a) Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 1, 2, 9: khí thải → hệ thống thu gom, xử lý → ống thải → thoát ra môi trường.

- Nguồn số 3 đến nguồn số 8, nguồn số 10, nguồn số 11: bụi, khí thải → hệ thống thu gom, xử lý → thoát ra môi trường.

b) Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: tóm tắt quy trình công nghệ

- Nguồn khí thải số 1, 2, 9:

+ Khí thải → quạt hút → cyclone lắng bụi → quạt hút → lọc túi vải → ống thải (có 03 hệ thống xử lý độc lập).

+ Công suất: 24.000 m³/giờ/hệ thống

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

- Nguồn khí thải số 3 đến số 8, nguồn số 10, 11:

+ Khí thải (bụi) → quạt hút → thiết bị lọc bụi túi vải → ống thải

+ Công suất: 10.000m³/giờ/hệ thống (có 08 hệ thống xử lý độc lập).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo Điều 98 Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47, Điều 1 Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

d) Biện pháp, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo các thiết bị xử lý bụi và khí thải cho quá trình sản xuất của cơ sở hoạt động hiệu quả, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng quạt hút và thay thế định kỳ các thiết bị xử lý bụi. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi xả thải ra môi trường.

- Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận dễ hư hỏng như: quạt hút, đường ống dẫn. Khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải (trong trường hợp sự cố không tự khắc phục được tại chỗ) phải ngừng hoạt động sản xuất. Tiến hành bảo trì, khắc phục nhanh chóng để đưa vào hoạt động trở lại.

- Công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải được đào tạo các kiến thức về công trình vận hành xử lý bụi, khí thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm vào tháng 1 năm 2027 đến tháng 6 năm 2027.

b) Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý bụi, khí thải tại các dòng khí thải số 9, 10, 11.

- Vị trí lấy mẫu

Theo vị trí xả khí thải được cấp phép tại phần A phụ lục này.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/BTNMT cột C
I	Giới hạn thông số ô nhiễm khí thải đề nghị cấp phép cho hệ thống xử lý khí thải của dòng thải số 9		
1	Lưu lượng	Nm ³ /giờ	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 60
3	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	≤ 250
4	Nitơ oxit (NO _x , tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 300
5	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm ³	≤ 350
II	Giới hạn thông số ô nhiễm khí thải đề nghị cấp phép cho hệ thống xử lý khí thải (dòng thải số 10 và 11)		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/BTNMT cột C
1	Lưu lượng	Nm ³ /giờ	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 60

c) Tần suất lấy mẫu

Thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2205 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, chủ cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **32** /GPMT-UBND
ngày **04** tháng **02** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: từ khu vực máy phát điện, trạm điện/trạm biến áp.
- Nguồn số 2: từ các thiết bị trong khu vực xưởng như: máy nghiền, máy sàng...
- Nguồn số 3: từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và thành phẩm tại cơ sở như: xe tải, tàu thuyền...

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

a) Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 26:2025/BNNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Từ 06h00 đến trước 18h00	Từ 18h00 đến trước 22h00	Từ 22h00 đến trước 6h00		
1	70	65	60	-	Khu vực E

b) Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 27:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Từ 06h00 đến trước 22h00	Từ 22h00 đến trước 6h00		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Có kế hoạch bảo trì toàn bộ máy móc, thiết bị để luôn hoạt động ở tình trạng tốt, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây ra. Thay mới máy móc, thiết bị khi xuống cấp, không còn đảm bảo yêu cầu.

- Nền móng đặt các công trình gây độ rung được xây dựng bằng bê tông.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **32** /GPMT-UBND
ngày **04** tháng **02** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đặc tính	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	65
2	Pin/ắc quy thải	16 01 12	Rắn	23
3	Các linh kiện, thiết bị điện tử khác	16 01 13	Rắn	42
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	Lỏng	45
Tổng cộng				175

b) Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát

STT	Tên CTNH	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Thủy tinh, nhựa và gỗ có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 02 01	Rắn	140
2	Giẻ lau, dầu nhớt, găng tay dính dầu	18 02 01	Rắn	52
3	Tấm pin năng lượng mặt trời hư hỏng (tấm quang năng thải)	19 02 08	Rắn	500
4	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	Rắn/Lỏng	23
Tổng cộng				715

c) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Bao bì PE/PA, thùng carton hư hỏng, bảo hộ lao động hư hỏng không nhiễm thành phần nguy hại, tro trấu, bùn thải (không chứa thành phần nguy hại), bụi vệ sinh nhà máy, bụi tấm pin năng lượng mặt trời....khối lượng khoảng 20,75 tấn/ngày

d) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 280 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích kho lưu chứa: 8 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có gờ chống tràn và dán nhãn. Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo quy định tại khoản 2, 3 của Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp phải kiểm soát

- Diện tích kho lưu chứa: 8 m² (bố trí chung kho lưu chứa chất thải nguy hại).

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có gờ chống tràn và dán nhãn. Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải công nghiệp phải kiểm soát phải đảm bảo quy định tại khoản 2, 3 của Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho lưu chứa: 14 m²/kho.

- Thiết bị lưu chứa: thùng lưu giữ chất thải rắn thông thường có nắp đậy, dung tích 240 lít.

- Tro trấu, cặn tro được tập trung vào silo chứa tro từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi, sức chứa khoảng 12 tấn; silo thiết kế kín và đảm bảo các điều kiện lưu chứa tro và thu gom tro trấu này từ silo 12 tấn vào bao và lưu chứa tại kho chứa phía dưới chân silo (diện tích 4m x 6m) có khả năng lưu chứa khoảng 20 tấn.

c) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải sinh hoạt có nắp đậy, dung tích 30L - 60L, có dán nhãn và nắp đậy tại các khu vực phát sinh rác sinh hoạt: khu vực nhà ăn, nhà bảo vệ, khu vực văn phòng, khu vực xưởng sản xuất.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Sự cố cháy nổ: phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.



Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **32** /GPMT-UBND
ngày **04** tháng **02** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

- A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:** không
- B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:** không
- C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG:** không
- D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
 2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.
 3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
 4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
 5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
 6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.
 7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy,.../.

